

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày 13/5/2022

*Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong
trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Bà Đàm Thị Kim Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H,
tỉnh Tuyền Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên
tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2021/HNGĐ ngày
29 tháng 11 năm 2021, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp
vợ chồng không đăng ký kết hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
13/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Ma Thê H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn Ao Hợ, xã M, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

** Bị đơn:* Bà Phúc Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Ao Hợ, xã M, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn,
ông Ma Thê H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phúc Thị L chung sống với nhau từ năm
1993, khi chung sống có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không
đăng ký kết hôn. Ông và bà L chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh
mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc
nuôi dạy con cái, làm ăn kinh tế. Khi mâu thuẫn căng thẳng ông và bà L sống ly
thân, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người sống một nơi, không có sự gắn kết.
Đến nay, ông xác định không còn tình cảm với bà L, ông và bà L không thể quay
lại chung sống nên ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà L là
vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Phúc Thị L có 01 con chung, cháu Ma Thị L, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1994. Con chung của ông và bà L đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, có gia đình riêng, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Phúc Thị L tự thoả thuận, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông và bà Phúc Thị L không có vay nợ ai chung, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết bị đơn, bà Phúc Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ma Thế H chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn vì thời điểm chung sống cả hai nhận thức pháp luật còn hạn chế. Khi mới chung sống bà và ông H sống tại thôn Khánh Hoà 1, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2006, Nhà nước xây dựng công trình thủy điện Na Hang nên bà và ông H chuyển về sống tại thôn Ao Hò, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi chửi nhau và cũng từ năm 2018 bà và ông H sống ly thân, cả hai không còn gắn kết. Bà xác định bà và ông H không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống. ông H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng, bà hoàn toàn nhất trí đề nghị Toà án không công nhận bà và ông H là vợ chồng .

Về con chung: Bà và ông Ma Thế H có 01 con chung, cháu Ma Thị L, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1994; con chung của ông bà đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lập, đã có gia đình riêng; bà không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Ma Thế H tự thoả thuận, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà và ông Ma Thế H không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh về các mối quan hệ hôn nhân của ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L; về nội dung đăng ký kết hôn theo quy định của ông H và bà L tại UBND xã T, huyện N và UBND xã M, huyện H. Kết quả xác minh thể hiện các nội dung đều đúng với thông tin mà ông H và bà L đã cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử, không công nhận ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L là vợ chồng; ông H và bà L có 01 con chung, cháu Ma Thị L, sinh

ngày 14 tháng 5 năm 1994, con chung của ông bà hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lập, có gia đình riêng; ông H bà L không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Ông H bà L đều xác nhận tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, vay nợ chung không có, nên không đề nghị xem xét về phần tài sản và vay nợ chung. Ông Ma Thế H phải chịu án phí theo quy định, bà Phúc Thị L không phải chịu án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Ao Hò, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. ông H và bà L chung sống có cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn; ông H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận ông và bà L là vợ chồng và các nội dung khác có liên quan. Quan hệ tranh chấp được xác định đầy đủ là Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả xác minh trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Cũng từ năm 2018 đến nay ông H và bà L sống ly thân. ông H và bà L đều xác định không còn tình cảm, không tiếp tục chung sống, do không có đăng ký kết hôn nên ông H và bà L đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận ông H và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L có 01 con chung, cháu Ma Thị L, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1994. Con chung của ông H bà L đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, có gia đình riêng, sống tự lập. ông H và bà L không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L đều xác định tự thỏa thuận về phần tài sản, đất đai; ông H bà L không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Ma Thế H phải chịu toàn bộ án phí vụ án, bà Phúc Thị L không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 238; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ma Thế H và bà Phúc Thị L.

2. Về án phí: Ông Ma Thế H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004596, ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. ông H đã nộp đủ án phí của vụ án.

Bà Phúc Thị L không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- CC THADS h.Hàm Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Việt Phương – Đàm Thị Kim Duyên

Lương Thanh Huyền

